

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HS-ST
Ngày 26 - 10 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân : Ông Hà Sỹ Tiến

Ông Lê Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở TAND huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST - HS ngày 10/10/2023 đối với bị cáo: **Ngô Văn T**, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1990 tại **xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Thôn H xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: **Ngô Văn C**, sinh năm 1963; Mẹ: **Trần Thị H**, sinh năm 1963; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; Chưa có vợ con; Tiền sự: Không;

Tiền án: - Ngày 24/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù giam về tội: “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/7/2021 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 27/6/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù giam về tội: “ Trộm cắp tài sản”. (tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đ nên không áp dụng “Tái phạm”). Ngày 03/3/2023 chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2023 đến nay

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho Bị cáo: Ông **Trịnh Đình H1** - Trợ giúp viên pháp lý. Có mặt

Địa chỉ: **Chi nhánh S 6 Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T.**

- Bị hại:

1. Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Minh Cơ xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: **Thôn B xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1967. Vắng mặt

Địa chỉ: **Khu C thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

- Người làm chứng:

1. Chị **Tạ Thị É**, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: **Thôn B xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

2. Anh **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: **Thôn Q xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08h ngày 10/7/2023 **Ngô Văn T** đi bộ một mình ở khu vực **xã X, huyện T** khi đi đến đoạn trước nhà anh **Trần Văn V** phát hiện thấy xe mô tô biển kiểm soát 36D1- 728.54 của anh **V** đang dựng lề đường, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa. Tấn quan sát thấy không có ai trông coi nên đã lén lút đến dắt trộm chiếc xe đi một đoạn rồi lên xe nổ máy điều khiển xe đi về hướng **UBND xã X, huyện T**. Sau khi trộm cắp được xe **T** điều khiển xe đến **cửa hàng M ở khu C thị trấn T, huyện T**. **T** gặp bà **Nguyễn Thị L1** (chủ cửa hàng) nói xe này là của **T**, giấy chứng nhận đăng ký xe bị thất lạc do cần tiền gấp nên muốn bán xe, bà **L1** yêu cầu **T** cho chụp ảnh người cùng xe máy để xác nhận **T** là chủ xe. **T** đồng ý nên bà **L1** đã chụp ảnh **T** cùng xe máy. Sau đó **T** và bà **L1** thỏa thuận mua bán chiếc xe với giá 1.500.000đ. **T** nhận tiền rồi sử dụng

cá nhân hết. Đến khoản 16h cùng ngày bà L1 nhận được thông tin vụ cấp xe nên kiểm tra xe vừa mua của T thì biết là xe trộm cắp nên đã tự nguyện đem xe đến cơ quan Công an giao nộp và trình báo sự việc.

Ngoài vụ trộm trên, T còn thực hiện một vụ trộm cắp khác cụ thể: Khoảng 11h ngày 11/7/2023 T đi bộ một mình ở khu vực xã L và xã M huyện N mục đích là trộm cắp tài sản. Đến khoản 12h cùng ngày khi đi đến trước nhà bà Trần Thị L ở thôn M xã M, huyện N quan sát thấy xe mô tô biển kiểm soát 37 L7- 9626 đang dựng ở sân nhà, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa nhưng không có người trông coi nên lén lút đi lại mở cổng, dắt xe ra ngoài rồi lên xe nổ máy điều khiển xe về thị trấn T, huyện T để bán xe. Khi đi đến khu C thị trấn T, huyện T thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 đoạn video ghi lại nội dung liên quan đến việc Ngô Văn T trộm cắp tài sản của anh Trần Văn V và bà Trần Thị L đồng thời tiến hành giám định kỹ thuật số điện tử số 246/QĐ -CSĐT ngày 10/8/2023. Tại Bản kết luận giám định số 3032/KL-KTHS ngày 23/8/2023 của phòng K Công an tỉnh T kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 03 tệp video gửi giám định.

Ngày 11/7/2023 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với tài sản trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL - HĐĐG ngày 18/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Tổng trị giá của 02 chiếc xe mô tô tại thời điểm bị trộm cắp trị giá là 12.600.000đ và 1.200.000đ.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc xe mô tô bị trộm cắp cho chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Bị cáo bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 62/CT - VKS ngày 02/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội: “Trộm

cấp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt: Bị cáo **Ngô Văn T** từ 15(mười lăm) tháng tù đến 18(mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/7/2023; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo; Buộc Bị cáo phải phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Truy thu của Bị cáo số tiền 1.500.000đ sung quỹ nhà nước.

Người bào chữa cho Bị cáo trình bày ý kiến: Về tội danh và khung hình phạt Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình Bị cáo là hộ cận nghèo; Bị cáo không được học hành đầy đủ, hiện tại Bị cáo là lao động chính trong gia đình; Trong quá trình điều tra Bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để Bị cáo sớm được trở về với gia đình và hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo **Ngô Văn T** thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 10/7/2023 bị cáo **Ngô Văn T** đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ, biển kiểm soát 36D1- 728.54 của anh **Trần Văn V** trị giá 12.600.000đ; Ngày 11/7/2023 Bị cáo tiếp tục trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu SUNFAT màu xanh, biển kiểm soát 37L7- 9626 của bà **Trần Thị L** trị giá 1.200.000đ, tổng trị giá tài sản là 13.800.000đ. Mặc dù Bị cáo trộm cắp tài sản của bà **Trần Thị L** giá trị dưới 2.000.000đ nhưng Bị

cáo đã bị kết án về tội: “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên vẫn phải chịu trách nhiệm Hình sự. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo **Ngô Văn T** phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Cáo trạng số 62/CT - VKS ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo **Ngô Văn T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật Nhà nước bảo vệ. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là thanh niên nhưng lười lao động, không chịu khó làm ăn, tu dưỡng đạo đức, thích hưởng thụ tài sản trên công sức lao động của người khác. Bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Điều đó chứng tỏ rằng bị cáo rất coi thường pháp luật.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Khi xem xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 24/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù giam về tội: “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/7/2021 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 27/6/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù giam về tội: “ Trộm cắp tài sản”. (tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đ nên không áp dụng “Tái phạm”). Ngày 03/3/2023 chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn nên Bị cáo hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt: Bị cáo có nhiều Tiền án nên HĐXX bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định và phải chấp hành hình phạt tù nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền bán xe mô tô 1.500.000đ Bị cáo đã chi tiêu cá nhân, đây là số tiền do phạm tội mà có nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự truy thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 BLHS;

- Tuyên bố: Bị cáo **Ngô Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo **Ngô Văn T** 16(mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/7/2023.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Truy thu số tiền 1.500.000đ đối với Bị cáo **Ngô Văn T** sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo **Ngô Văn T** phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKSND huyện Thọ Xuân;

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND tỉnh Thanh Hóa

- THA dân sự;
- THA hình sự Công an
huyện Thọ Xuân
- Trại tạm giam Công an
tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hằng